Người ký: Sở Khoa học và Công nghệ
Email: vp@khcn.daklak.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian ký: 07.10.2021 07:44:22 +07:00

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: **172** /KH-SKHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH
Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quy định về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Quyết định v/v ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh ĐL, phiên bản 2.0;

Căn cứ Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2015;

Căn cứ Công văn số 1659/STTTT-CNTT ngày 28/9/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mặng năm 2022.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật tính đến thời điểm năm 2021: Số máy tính được trang bị, sử dụng phục vụ nhiệm vụ chuyên môn: 77 máy; tỉ lệ công chức, viên chức và người lao động (CCVCNLĐ) được trang bị máy tính phục vụ công việc đảm bảo 01 người/01 máy (đạt 100%); số máy chủ: 05 máy. 77/77 máy vi tính đã được kết nối với đường truyền internet tốc độ cao, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối thông tin trực tuyến, 77/77 máy được cài đặt phần mềm chống mã độc Kaspersky Endpoint theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh. Ngoài ra, có 42 máy tính phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CNTT. Các đơn vị trực thuộc đều có hệ thống mạng nội bộ (LAN).

Hiện nay, một số lượng lớn hạ tầng thiết bị, máy móc không còn đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc chuyên môn và kết nối, sử dụng các phần mềm trực tuyến, như: Tỷ lệ máy vi tính hết niên hạn, quá hạn khấu hao chiếm tỷ lệ lớn (trên 65% số máy tính tại đơn vị) nhưng chưa được thay thế kịp thời; chưa có các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin tương xứng…

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

- Hệ thống Báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Sử dụng và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Sử dụng Hệ thống thông tin KH&CN, theo địa chỉ https://sti.vista.gov.vn/Pages/Trang-chu.aspx

V. CÁC ỨNG DỤNG DỊCH VỤ

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành iDesk được 100% CBCCVC sử dụng thường xuyên. Tính đến thời điểm tháng 10/2021, đã có 97 tài khoản iDesk thuộc phạm vi quản lý của Sở KH&CN được tạo, 29 tài khoản hiện đã được dừng sử dụng và xóa do CBCCVC chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, 68 tài khoản được sử dụng thường xuyên để trao đổi công việc. Hiện tại, gần 100% văn bản hành chính đã được Sở KH&CN ký số và phát hành trực tuyến trên môi trường mạng đến các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, hệ thống vẫn thường xuyên phát sinh lỗi; một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng đúng các quy định hiện hành.

- Hệ thống dịch vụ hành chính công iGate được vận hành hiệu quả, hiện tại Sở KH&CN đã đăng tải 54 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền trên hệ thống iGate, trong đó: TTHC ở mức độ 2 là: 31 TTHC (57,40%); TTHC ở mức độ 3 là: 03 TTHC (5,56%); TTHC ở mức độ 4 là: 20 TTHC (37,04%). Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trong năm, như sau:

+ 100% hồ sơ thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ hành chính qua hệ thống Một cửa điện tử liên thông: 47 hồ sơ (đến 04/10/2021).

+ Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 2: 13 hồ sơ (27,66%);

+ Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3: 26 hồ sơ (55,32%)

+ Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: 8 hồ sơ (17,02%)

- Các nội dung hoàn thành ứng dụng CNTT: Hoàn thành nội dung triển khai ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021. Cụ thể:

+ Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị: 100% .

+ 100% máy tính có kết nối Internet băng thông rộng.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc hiệu quả.

- Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN (http://skhcn.daklak.gov.vn) cơ bản đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Đã ban hành các Quyết định về quy chế nhuận bút, quy chế sử dụng và kiện toàn thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử. Cổng thông tin điện tử Sở đăng tải thường xuyên, kịp thời các nội dung liên quan đến hoạt động của ngành; công

khai chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Sở, các thông tin và chuyên mục cần thiết, đảm bảo cho người dân và tổ chức dễ dàng nắm bắt thông tin, thuận lợi cho việc giao dịch hành chính theo thẩm quyền giải quyết. Nguồn kinh phí cho Cổng thông tin điện tử còn hạn chế nên hoạt động đăng tải tin bài, chi trả nhuận bút cho cộng tác viên bị ảnh hưởng.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT tại Sở KH&CN có 04 người (01 Thạc sỹ CNTT và 03 Cử nhân Tin học). Tuy nhiên chưa có cán bộ chuyên trách CNTT tại Văn phòng Sở;

Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tin học hàng năm cho 100% CBCCVC đạt các mức độ chuẩn trong ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

VI. AN TOÀN THÔNG TIN

Báo cáo số 275/BC-SKHCN ngày 24/12/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triên Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2020 và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021.

Công vă số 233/SKHCN-TTTK ngày 15/4/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

Năm 2021, phối hợp với Sở TTTT đã tiến hành cài đặt và sử dụng phần mềm phòng chống mã độc Kaspersky Endpoint. Phần mềm do Sở TTTT triển khai cho tất cả các máy tinh tại Sở, đạt tỷ lệ 100% máy tính có kết nối mạng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách đầu tư cho thiết bị: 150 triệu đồng

- Ngân sách cho phần mềm: 0 triệu đồng

- Ngân sách Duy trì hoạt động đường truyền internet; thù lao, nhuận bút của Cổng thông tin điện tử Sở: 117.000.000 đồng

Tổng kinh phí: 267.000.000 đồng

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;

- Luật An toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025";

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Quyết định v/v ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh ĐL, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2015;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 175/KH-SKHCN ngày 15/09/2020 của Sở KH&CN về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC ĐÍCH TỔNG QUÁT

- Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động triển khai các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ là động lực quan trọng góp phần hiệu quả công việc, tính minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí.

- Nâng cao kết quả hoạt động quản lý nhà nước và hiện đại hóa công tác hành chính, tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin trên môi trường mạng có độ an toàn và bảo mật, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và tính phục vụ của CBCCVC; cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến *(giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trên môi trường mạng)* phục vụ người dân và doanh nghiệp ở mức độ cao *(mức độ 3, 4)* và góp phần xây dựng chính quyền điện tử tại địa phương.

- Tất cả CBCCVC sử dụng thành thạo tin học văn phòng trong công việc đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Trong đó có ít nhất 100% văn bản, tài liệu được số hóa để lưu trữ, trao đổi trong nội bộ và bên ngoài; sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành iDesk, sử dụng phổ biến thư điện tử công vụ trong công việc và trong tiếp nhận, xử lý các ý kiến, thắc mắc của người dân và doanh nghiệp; Cổng thông tin điện tử cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).

- 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong quản lý, ban hành văn bản.

- Nâng cấp phần mềm đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp (theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN).

- Văn phòng Sở có cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách về CNTT, được đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức hàng năm.

IV. NHIỆM VỤ

4.1. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

Triển khai thực hiện đúng các quy định, cơ chế, chính sách quy định về phát triển công nghệ thông tin, an toàn thông tin của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ và tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Phát triển về hạ tầng số

- 100% CBCCVC được trang bị máy tính, 100% các đơn vị có mạng nội bộ LAN, 100% các đơn vị có kết nối Internet.

- Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN và đường truyền Internet tại Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị trực thuộc. Bảo trì, nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ cho công tác chuyên môn, ngăn chặn có hiệu quả các cuộc tấn công từ bên ngoài vào hệ thống mạng nội bộ cơ quan.

- Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật hiện có. Đầu tư bổ sung, nâng cấp hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT cho cơ quan, các đơn vị.

- Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến.

- Xây dựng mạng lưới thông tin KH&CN từ Sở đến các huyện, xã.

- Cán bộ chuyên trách về CNTT được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý mạng.

- Thuê 01 đường truyền lease line phục vụ web.

- CBCCVC được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT, cập nhật kiến thức tin học hàng năm. Đảm bảo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị đạt chuẩn mức độ CNTT cơ bản.

4.3. Phát triển các hệ thống, nền tảng

- Sử dụng và khai thác hệ thống báo cáo ngành khoa học và công nghệ.

- Sử dụng và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh, phấn đấu áp dụng hệ thống thông tin báo cáo trực tuyến tại Sở KH&CN để lãnh đạo sở có thể cập nhật, theo dõi các nội dung hoạt động, nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc một cách thường xuyên, liên tục.

4.4 Phát triển dữ liệu

Sử dụng Hệ thống thông tin KH&CN, theo địa chỉ https://sti.vista.gov.vn/Pages/Trang-chu.aspx

4.5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Duy trì hoạt động Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iDesk), hệ thống thư điện tử của tỉnh Đắk Lắk. Duy trì hệ thống mạng LAN, mạng Internet của cơ quan, các đơn vị.

- Các ứng dụng chuyên ngành phục vụ cho công tác thu thập, xử lý thông tin chuyên ngành, công tác báo cáo, thống kê.

- Tiếp tục triển khai hệ thống iGate để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, 4.

- Nâng cấp phần mềm đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp (theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN).

4.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Rà soát, nâng cấp, cập nhật phần mềm máy tính; nâng cấp, cập nhật phiên bản website; trang bị các giải pháp về bảo mật hệ thống máy chủ nội bộ,... nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của Sở.

- Rà soát, sửa đổi quy chế sử dụng thiết bị và hệ thống CNTT, đảm bảo kỹ thuật, nghiệp vụ về công tác quản trị, biên tập thông tin trên website; nâng cao nhận thức về công tác an toàn thông tin mạng trong CBCCVC.

- Đảm bảo 100% máy tính được trang bị phần mềm bản quyền phòng chống mã độc và các công tác bảo đảm an toàn dữ liệu cơ quan, đơn vị, cá nhân...

- Định kỳ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin trong hệ thống nội bộ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho CBCCVC và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

4.7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành cũng như trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Bố trí, sắp xếp CBCCVC có trình độ chuyên môn về CNTT đảm nhiệm các nhiệm vụ liên quan đến nội dung này, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách, phục trách về CNTT được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ứng phó khi xảy ra sự cố; kỹ năng quản trị mạng, bảo mật và an toàn thông tin, chống thất thoát dữ liệu.

- Thường xuyên cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin mạng.

V. GIẢI PHÁP

5.1 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBCCVC trong cơ quan về vai trò, tiện ích của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến việc ứng dụng và phát triển CNTT, khuyến khích người dân tham gia nghiên cứu KH&CN thuộc lĩnh vực CNTT; Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản liên quan.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Bản tin thông tin KH&CN, chuyên mục KH&CN của Sở, Điểm thông tin KH&CN tại các xã phường.

5.2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động và hợp tác với các Tập đoàn, Công ty lớn về CNTT tạo nguồn lực cho phát triển CNTT, chính quyền điện tử và an toàn thông tin.

- Triển khai theo hướng tập trung, đồng bộ phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, của tỉnh Đắk Lắk; triển khai mô hình thí điểm sau đó nhân rộng để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

5.3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối.

5.4. Thu hút nguồn lực

5.5. Tăng cường hợp tác quốc tế

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Phụ lục kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở các nội dung đã được đề ra tại Kế hoạch này, yêu cầu các Phòng, Trung tâm thuộc Sở có trách nhiệm cung cấp, cập nhật số liệu, thông tin thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của đơn vị đối với các ứng dụng CNTT đã được triển khai.

Giao Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp, theo dõi, đôn đốc các Phòng, Trung tâm thuộc Sở khai thác, tạo lập, cập nhật thông tin do đơn vị quản lý đối với Hệ thống thông tin chuyên ngành sử dụng chung; đồng thời, hàng năm tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành các quy định, quy chế liên quan đến lĩnh vực CNTT, an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước để triển khai thực hiện tại cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc./.

Nơi nhận:
- Sở TT&TT;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP, TTUD (M_08b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐẮK LẮK

Đinh Khắc Tuấn

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 172 /KH-SKHCN, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Sở KH&CN)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN TRIỂN KHAI	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN		GHI CHÚ
						NSNN SN	NSNN ĐẦU TƯ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Mua sắm trang thiết bị, hạ tầng mạng nội bộ	Sở KH&CN	Hạ tầng CNTT được nâng cao	2022	**135**	135		
2	Tập huấn, bồi dưỡng hàng năm	Sở KH&CN	Nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho CBCCVC thuộc Sở	2022	**20**	20		
3	Hoạt động thuê dịch vụ ứng dụng CNTT, duy trì website	Trung tâm TT-UD KH&CN - Sở KH&CN	Duy trì hoạt động đường truyền internet, thù lao, nhuận bút của Cổng TTĐT của Sở	2022	**150**	150		
4	Nâng cấp phần mềm đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp (theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN).	P. Quản lý Công nghệ - Sở KH&CN	Đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp	2022	**100**	100		
	TỔNG CỘNG				**405**	**405**		

(Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).